

BÁO CÁO
Đánh giá về kết quả thực hiện
kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-HĐQT ngày 15/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phà An Giang về việc ban hành Quy chế công bố thông tin.

Công ty Cổ phần Phà An Giang (Mã số doanh nghiệp 1600110119) báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 so với kế hoạch: theo các chỉ tiêu tại Bảng số 1.

- Thuận lợi: Công ty nhận được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, sự hỗ trợ từ các Sở, Ban ngành; sự thống nhất trong lãnh, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban điều hành, cùng với tinh thần trách nhiệm của tập thể người lao động nhờ đó Công ty đã từng bước vượt qua khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo giao thông, hoàn thành nghĩa vụ thuế, ổn định việc làm, thu nhập của người lao động và trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng.

- Khó khăn: Tình hình mưa lũ diễn biến thất thường, hiện tượng bồi lắng ảnh hưởng hoạt động các bến phà; giá nhiên liệu trong năm biến động theo xu hướng tăng; vật tư, các khoản chi phí đầu vào đều tăng do ảnh hưởng bởi giá tiêu dùng; sự cạnh tranh của các bến đò lân cận; tình hình tài chính khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 trong năm 2021 gây ra đã và đang gây nhiều khó khăn đến tình hình hoạt động của Công ty.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Giá trị thực hiện
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a	Hành khách, xe các loại	lượt	21.818.450	21.919.959
b	Xăng, dầu, nhớt	lít	1.056.310	1.238.375
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	217,0	218,7
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,9	7,6
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,9	7,6
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	9,0	12,4
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)			
8	Tổng số lao động	Người	480	472
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	55,3	57,9
a	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,7	2,8
b	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	52,6	55,1

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên:

- Không có.

2. Các khoản đầu tư tài chính:

- Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang: 10 tỷ đồng.

- Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang: 18 tỷ đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

- Không có./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Phòng: KHVT, KT;
- Trang thông tin điện tử Công ty;
- Lưu: VT, PĐT.

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Châu Hà